

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKTNA ngày 15 tháng 05 năm 2020 của  
Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An)

<b>Tên chương trình :</b>	<b>Đào tạo Cử nhân kinh tế</b>
<b>Trình độ đào tạo :</b>	<b>Đại học</b>
<b>Ngành đào tạo :</b>	<b>Kinh tế</b>
<b>Mã ngành :</b>	<b>7310101</b>

### 1. Mục tiêu

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe và có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội và nhân văn, có năng lực chuyên môn về kinh tế, có khả năng phân tích, hoạch định, tổ chức thực thi, giám sát, đánh giá các chính sách và quyết các vấn đề kinh tế thuộc các lĩnh vực, các ngành, các cấp khác nhau của nền kinh tế quốc dân.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Kiến thức

- Sau khi hoàn thành phần kiến thức cử nhân Kinh tế có được kiến thức cơ bản về kế toán, kinh tế quản lý, quản trị kinh doanh; đánh giá và phân tích được mọi biến động về kinh tế xã hội và nhân văn;

- Có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kinh tế và các lĩnh vực, các ngành kinh tế ứng dụng để phân tích các tình huống kinh tế, các chính sách kinh tế, các dự án kinh tế trong hoạt động thực tiễn phù hợp với điều kiện môi trường cụ thể.

##### 1.2.2. Kỹ năng

- Đào tạo sinh viên có kỹ năng nghiên cứu độc lập và có tính sáng tạo, kỹ năng tư duy phân tích, phản biện, có kiến thức hiện đại về kinh tế và các lĩnh

vực, các ngành kinh tế ứng dụng, có khả năng vận dụng lý thuyết kinh tế để phân tích các tình huống kinh tế, phân tích các chính sách kinh tế, các dự án kinh tế.

- Có khả năng tham gia các hoạt động tư vấn các vấn đề kinh tế cho các cơ quan Nhà nước các cấp và các doanh nghiệp. Có đủ năng lực, trình độ giải quyết các vấn đề trong thực tế tại đơn vị công tác.

- Có kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm cho lĩnh vực kinh tế, phần mềm lập kế hoạch tài chính và khai thác thông tin trên internet; kỹ năng sử dụng tiếng Anh giao tiếp, thuyết trình, truyền thông.

### *1.2.3. Thái độ*

- Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Đồng thời, sinh viên ngành này là người có khả năng tự học, sáng tạo, có định hướng nghề nghiệp tốt.

### *1.2.5. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp*

Sinh viên tốt nghiệp được cấp nhận bằng Cử nhân Kinh tế (thuộc hệ thống văn bằng quốc gia do Nhà nước quy định). Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc ở nhiều vị trí trong các cơ quan quản lý Nhà nước, các viện, các trung tâm nghiên cứu kinh tế, các cơ quan hoạch định chính sách, các khu công nghiệp, khu chế xuất, các tổng công ty, các doanh nghiệp và các tổ chức, hoặc làm giảng viên trong các trường đại học cao đẳng khối kinh tế. Ngoài ra sinh viên có cơ hội học tập ở những bậc học cao hơn.

## **2. Chuẩn đầu ra (theo quy định tại Thông tư 07/2015)**

### **2.1. Kiến thức**

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế đạt chuẩn kiến thức sau:

- Đạt chuẩn về kiến thức giáo dục đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với ngành Kinh tế, nắm vững những nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội; có kiến thức về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn ở trình độ đại học.

- Có kiến thức hiểu biết chung về các lĩnh vực luật pháp, lịch sử, văn hóa

xã hội, và có năng lực vận dụng kiến thức vào công tác chuyên môn.

- Có kiến thức cơ bản về kinh tế, kinh doanh và ngoại ngữ để phát triển kiến thức chuyên ngành Kinh tế học và khả năng vận dụng vào thực tiễn.

- Có kiến thức sâu rộng, hiện đại về kinh tế vĩ mô và vi mô; có khả năng vận dụng các lý thuyết kinh tế để phân tích, đánh giá các hoạt động kinh tế và dự báo những biến động của nền kinh tế.

- Có khả năng tổ chức, quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng và tổ chức các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội; có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo.

- Nắm vững những kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về kinh tế và quản lý thương mại, bao gồm những kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về kinh tế doanh nghiệp, những kiến thức về kinh tế và quản lý của một số lĩnh vực tiêu biểu như: tài chính, ngân hàng, chứng khoán, du lịch...

- Có kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường Đại học Kinh tế Nghệ An và các trường thuộc khối ngành Kinh tế và bao gồm những kiến thức về kế toán - kiểm toán, tài chính - ngân hàng, kinh tế và quản trị kinh doanh.

## **2.2. Kỹ năng**

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn các kỹ năng chung căn bản của ngành Kinh tế.  
Cụ thể:

### **2.2.1. Kỹ năng cứng**

- Kỹ năng thu thập thông tin, phân tích và dự báo tình hình kinh tế, thương mại và thị trường.

- Kỹ năng phân tích và đánh giá tác động của các công cụ quản lý nhà nước đối với thị trường, thương mại và môi trường kinh tế vĩ mô.

- Kỹ năng tổng hợp và lập báo cáo các vấn đề nghiên cứu về kinh tế, thương mại và quản lý.

- Kỹ năng nghiên cứu và phân tích các vấn đề kinh tế, hiệu quả sử dụng các nguồn lực của doanh nghiệp.

- Kỹ năng sử dụng các phương pháp định lượng và định tính trong phân tích các vấn đề kinh tế và quản lý thương mại.

### *2.2.2. Kỹ năng mềm*

- Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên đại học hệ chính quy sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh 400 điểm TOEIC trở lên.

- Kỹ năng tin học: Đạt trình độ tin học văn phòng tương đương B, có kỹ năng giải quyết các vấn đề chuyên môn bằng các ứng dụng phần mềm của Microsoft Office, sử dụng hiệu quả phần mềm ứng dụng phục vụ chuyên môn trong môi trường Internet. Đồng thời có thể sử dụng phần mềm chuyên dùng cho ngành đào tạo theo quy định của trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

- Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề về kinh tế và quản lý thương mại.

- Kỹ năng giao tiếp và truyền thông các vấn đề về kinh tế và quản lý thương mại; Diễn đạt các vấn đề kinh tế và quản lý thương mại bằng văn bản và thuyết trình.

- Kỹ năng thuyết trình, trình bày ý tưởng; kỹ năng viết báo cáo, thiết lập, bảo vệ dự án và thẩm định dự án.

- Kỹ năng làm việc nhóm và năng lực giải quyết vấn đề độc lập.

### **2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có hiểu biết, sống và làm việc theo pháp luật, có trách nhiệm công dân, có bản lĩnh chính trị vững vàng. Luôn đề cao ý thức nghề nghiệp.

- Có ý thức quan tâm đến cộng đồng. Tích cực phát hiện và tham gia giải quyết những vấn đề mà thực tiễn kinh tế và thương mại của doanh nghiệp cũng như của nền kinh tế Việt Nam đang đặt ra.

- Khả năng tự lập, chủ động trong học tập và nghiên cứu. Có khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc, có bản lĩnh và tinh thần học tập vươn lên khẳng định năng lực bản thân.

- Tác phong làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy năng động, coi trọng hiệu quả công việc. Có năng lực làm việc trong môi trường có nhiều áp lực của cạnh tranh, hội nhập và phát triển.

## **3. Khối lượng kiến thức toàn khoá**

126 tín chỉ (*chưa kể phần kiến thức về Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng*).

#### **4. Đối tượng tuyển sinh**

Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương thuộc các tỉnh thành trong và ngoài nước, có đủ sức khoẻ để học tập và làm đầy đủ các thủ tục dự thi theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

##### **5.1. Quy trình đào tạo**

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 3,5 năm gồm 7 học kỳ, trong đó có 6 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 1 học kỳ thực tập tốt nghiệp. Cuối khóa, sinh viên viết Khoá luận tốt nghiệp.

Sinh viên đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng Văn bản số 17/2014/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành văn bản hợp nhất quy chế 43/2007 và thông tư 57/2012 về việc ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; quyết định 159/ĐHKTNA-ĐT ngày 10/10/2014 về việc ban hành quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ ở trường Đại học kinh tế Nghệ An.

##### **5.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Văn bản số 17/2014/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành văn bản hợp nhất quy chế 43 và thông tư 57 về việc ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; quyết định 159/ĐHKTNA-ĐT ngày 10/10/2014 về việc ban hành quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ ở trường Đại học kinh tế Nghệ An. Đồng thời, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Nhà trường.

#### **6. Cách thức đánh giá**

- Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ được ban hành theo Văn bản số 17/2014/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành văn bản hợp nhất quy chế 43/2007 và thông tư 57/2012 về việc ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; quyết định 159/ĐHKTNA-ĐT ngày 10/10/2014 về việc ban hành quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ ở trường Đại học kinh tế Nghệ An. Đồng thời, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Nhà trường.

Việc đánh giá và xếp loại kết quả học tập được quy định như sau:

<b>Loại</b>	<b>Điểm</b>	<b>Loại</b>
Đạt	A (Từ 8,5 đến 10)	Giỏi
	B (Từ 7,0 đến dưới 8,5)	Khá
	C (Từ 5,5 đến dưới 7,0)	Trung bình
	D (Từ 4,0 đến dưới 5,5)	Trung bình yếu
Không đạt	F (Dưới 4,0)	Kém

## 7. Nội dung chương trình

TT	Học phần	Số TC	Tiết LT	Tiết TH	Tổng
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>					
1	Triết học Mác – Lênin	3	45		45
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30		30
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		30
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30		30
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		30
6	Pháp luật đại cương	3	45		45
7	Văn bản trong quản lý	3	45		45
8	Tiếng Anh 1	3	45		45
9	Tiếng Anh 2	4	60		60
10	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	4	60		60
11	Tin học đại cương	3	30	30	60
12	Toán cao cấp	3	45		45
13	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	45		45
14	<i>Giáo dục thể chất</i>	3	9	72	81
15	<i>Giáo dục Quốc phòng – An ninh</i>	8	90	75	165
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>					0
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>					0
16	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30		30
17	Kinh tế Vi mô 1	3	45		45
18	Kinh tế Vĩ mô 1	3	45		45
19	Toán kinh tế	3	45		45
20	Pháp luật kinh tế	2	30		30
21	Lý thuyết thống kê	2	30		30
22	Nguyên lý kế toán	3	45		45
23	Quản trị học	2	30		30
24	Lý thuyết Tài chính – tiền tệ	3	45		45
25	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	45		45
26	Kinh tế lượng	3	45		45
27	Kinh tế vi mô 2	3	45		45
28	Kinh tế vĩ mô 2	3	45		45
29	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	3	45		45
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>					0
<b>2.2.1. Kiến Thức bắt buộc</b>					0
30	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội	3	45		45
31	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	4	60		60
32	Kinh tế quốc tế	3	45		45
33	Kinh tế phát triển	3	45		45
34	Thực tập nghề nghiệp	3		135	135
35	Kinh tế môi trường	3	45		45

36	Kinh tế công cộng	3	45		45
36	Kinh tế nguồn nhân lực	3	45		45
37	Kinh tế đầu tư	3	45		45
<b>2.2.2. Kiến thức tự chọn</b>					
<b>Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)</b>					
38	Marketing căn bản	2	30		30
	Văn hóa doanh nghiệp	2	30		30
<b>Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)</b>					
39	Quản trị doanh nghiệp	3	45		45
	Quản trị sản xuất	3	45		45
<b>2.3. Kiến thức bổ trợ</b>					0
<b>2.3.1. Kiến thức bổ trợ bắt buộc</b>					0
40	Tài chính doanh nghiệp	3	45		45
<b>2.3.2. Kiến thức bổ trợ tự chọn</b>					0
<b>Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)</b>					
41	Quản trị dự án đầu tư	3	45		45
	Thuế Nhà nước	3	45		45
<b>Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)</b>					
42	Thẩm định dự án đầu tư	2	30		30
	Thị trường chứng khoán	2	30		30
<b>2.4. Thực tập Tốt nghiệp và làm khoá luận</b>					
43	Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận	<b>10</b>		<b>450</b>	<b>450</b>
<b>Thay thế Thực tập Tốt nghiệp</b>					
43	Kinh tế học tổ chức kinh doanh	4	60		60
44	Kinh tế quản lý	3	45		45
45	Lý thuyết trò chơi ứng dụng	3	45		45
<b>Tổng</b>		<b>126</b>			



## 8. Phân bổ kế hoạch đào tạo

TT	Tên học phần	Số TC	TC LT	TC TH	Tiết LT	Tiết TH	Số tiết
<b>Kỳ 1</b>							
1	Triết học Mác – Lê nin	3	3		45		45
2	Tiếng Anh 1	3	3		45		45
3	Pháp luật đại cương	3	3		45		45
4	Văn bản trong quản lý	3	3		45		45
5	Toán cao cấp	3	3		45		45
6	Tin học đại cương	3	2	1	30	30	60
<b>Cộng</b>		<b>18</b>					
<b>Kỳ 2</b>							
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		30
2	Tiếng Anh 2	4	4		60		60
3	Pháp Luật kinh tế	2	2		30		30
4	Lý thuyết thống kê	2	2		30		30
5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3		45		45
6	Lý thuyết Tài chính - tiền tệ	3	3		45		45
7	Nguyên lý kế toán	3	3		45		45
<b>Cộng</b>		<b>19</b>					
<b>Kỳ 3</b>							
1	Kinh tế Vi mô 1	3	3		45		45
2	Kinh tế quốc tế	3	3		45		45
3	Quản trị học	2	2		30		30
4	Toán kinh tế	3	3		45		45
5	Tài chính doanh nghiệp	3	3		45		45
6	Kinh tế Vĩ mô 1	3	3		45		45
7	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2		30		30
8	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		30
<b>Cộng</b>		<b>21</b>					
<b>Kỳ 4</b>							
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		30
2	Kinh tế lượng	3	3		45		45
3	Kinh tế Vi mô 2	3	3		45		45

4	Tiếng Anh chuyên ngành	4	4		60		60
5	Kinh tế phát triển	3	3		45		45
6	<b>Chọn 1 trong 2 HP</b>						
	Quản trị dự án đầu tư	3	3		45		45
	Thuế Nhà nước	3	3		45		45
7	<b>Chọn 1 trong 2 HP</b>						
	Marketing căn bản	2	2		30		30
	Văn hóa doanh nghiệp	2	2		30		30
<b>Cộng</b>		<b>20</b>					
<b>Kỳ 5</b>							
1	Kinh tế Vĩ mô 2	3	3		45		45
2	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	3		45		45
3	Kinh tế đầu tư	3	3		45		45
4	Kinh tế công cộng	3	3		45		45
5	Phân tích chính sách KT - XH	3	3		45		45
6	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		30
7	<b>Chọn 1 trong 2 HP</b>						
	Quản trị doanh nghiệp	3	3		45		45
	Quản trị sản xuất	3	3				45
<b>Cộng</b>		<b>20</b>					
<b>Kỳ 6</b>							
1	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	3	3		45		45
2	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	4	4		60		60
3	Kinh tế nguồn nhân lực	3	3		45		45
4	Thực tập nghề nghiệp	3		3		135	135
5	Kinh tế môi trường	3	3		45		45
6	<b>Chọn 1 trong 2 HP</b>						
	Thị trường chứng khoán	2	2		30		30
	Thẩm định dự án đầu tư						
<b>Cộng</b>		<b>18</b>					
<b>Kỳ 7</b>							
1	Thực tập Tốt nghiệp và làm khoá luận	<b>10</b>		<b>10</b>		<b>450</b>	<b>450</b>
<b>Thay thế thực tập Tốt nghiệp</b>							

1	Kinh tế học tổ chức kinh doanh	4	4		60		60
2	Kinh tế quản lý	3	3		45		45
3	Lý thuyết trò chơi ứng dụng	3	3		45		45
<b>Cộng</b>		<b>10</b>					
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>126</b>					

## 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo đại học ngành Kinh tế được thiết kế dựa trên chương trình khung giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành. Chương trình gồm 126 tín chỉ (*chưa tính khối lượng môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng*), được thiết kế để giảng dạy và học tập trong 7 học kỳ (3,5 năm học), tùy theo tích lũy tín chỉ mà sinh viên có thể tốt nghiệp từ 3 - 5 năm;

- Chương trình được biên soạn theo hướng giảm số giờ lý thuyết, giành nhiều thời gian cho thảo luận, thực hành thực tập, sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận nhằm gắn với yêu cầu đổi mới các phương pháp dạy và học ở bậc đại học.

- Tổ chức giảng dạy học phần, cách đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ được ban hành tại Văn bản số 17/2014/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành văn bản hợp nhất quy chế 43/2007 và thông tư 57/2012; Quyết định 159/ĐHKTNA-ĐT ngày 10/10/2014 về việc ban hành quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ ở trường Đại học kinh tế Nghệ An.

**HIỆU TRƯỞNG**